

Bản án số: 20/2025/HSST
Ngày: 07/3/2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phương Văn Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Quốc Trung.
2. Ông Bùi Quang Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Dũng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhũ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2025/HSST ngày 09/01/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HS ngày 11/02/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Xuân L**, sinh ngày: 19 tháng 8 năm 1981

Nơi sinh: Hưng Yên.

Nơi cư trú: Thôn Canh Hoạch, xã TD, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 7, ấp 1, xã Vĩnh Lộc A, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh.

Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (chết) và bà Tô Thị Ln, sinh năm 1949 (còn sống); có vợ Nguyễn Thị Th, sinh năm 1985 và con: 04 người (lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2014).

- Tiền án: 01 lần, vào ngày 20 tháng 4 năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên tuyên phạt 06 năm tù giam về tội Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Chấp hành xong án phạt tù ngày 13 tháng 3 năm 2022.

- Tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo có mặt tại tòa)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Đinh Tuấn A**, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 43, khu vực 03, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

2/ Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp 01, xã Vĩnh Lộc A, huyện BC, Thành Phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua các mối quan hệ quen biết ngoài xã hội nên Đinh Tuấn A, sinh năm 1990, đăng ký thường trú: Khu vực 3, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ quen biết với Nguyễn Xuân L, sinh năm 1981, đăng ký thường trú: Thôn Canh Hoạch, xã TD, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Do nhu cầu cần tiền tiêu xài nên Tuấn A có vay tiền cá nhân của L, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 14 tháng 10 năm 2023 tại quán cà phê Phú L thuộc phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thì Nguyễn Xuân L cho Đinh Tuấn A vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất là 61%/tháng, hình thức vay là góp ngày, mỗi ngày góp số tiền là 7.000.000 đồng, góp trong 23 ngày, với tổng số tiền phải góp là 161.000.000 đồng và phí dịch vụ khi vay là 15% tương ứng với số tiền là 15.000.000 đồng. Khi đưa tiền vay thì L chỉ đưa cho Tuấn A số tiền 71.000.000 đồng, lý do L trừ tiền phí dịch vụ 15.000.000 đồng và lấy tiền góp trước 02 ngày số tiền là 14.000.000 đồng. Do tài khoản không đủ tiền nên L nhờ Ngô Đình Việt là bạn bè với L sử dụng tài khoản số 33849377 mở tại ngân hàng ACB chuyển vào tài khoản số 8868626899999 của Đinh Tuấn A mở tại ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội MB số tiền là 71.000.000 đồng. Tổng số tiền L nhận từ Tuấn A trong lần cho vay này là: 176.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là: 74.759.000 đồng, cụ thể như sau: Số tiền gốc góp mỗi ngày 100.000.000 đồng: 23 ngày = 4.347.826 đồng. Số tiền lãi thu được mỗi ngày là: 7.000.000 đồng - 4.347.826 đồng = 2.652.174 đồng; số tiền lãi suất theo quy định pháp luật là 20% : 365 ngày = 0,05479%/ngày; 0,05479% x 100.000.000 đồng : 100 = 54.790 đồng/ngày. Vậy số tiền thu lợi bất chính là: 2.652.174 - 54.790 đồng = 2.597.357 đồng/ngày x 23 ngày = 59.739.211 đồng + 15.000.000 đồng = 74.739.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào ngày 18 tháng 11 năm 2023 L đồng ý cho Tuấn A vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 55%/tháng; hình thức vay góp ngày, mỗi ngày góp 15.500.000 đồng và thời hạn góp trong 10 ngày. Tổng số tiền mà Tuấn A phải góp là 155.000.000 đồng và phí dịch vụ 10% tương ứng với số tiền là 10.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong L sử dụng tài khoản ngân hàng số 28421657 của L mở tại ngân hàng ACB chuyển vào tài khoản số 0939039439 của Tuấn A mở tại ngân hàng Quân Đội số tiền 59.000.000 đồng, lý do trừ phí dịch vụ 10.000.000 đồng, cộng góp trước 02 ngày số tiền 31.000.000 đồng. Trong lần vay này L đã thu được 05 ngày với tổng số tiền là 77.500.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính trong lần cho vay này là: 37.226.000 đồng, cụ thể như sau: Số tiền gốc góp mỗi ngày: 100.000.000 đồng : 10 ngày = 10.000.000 đồng, số tiền lãi thu được mỗi ngày: 15.500.000 đồng - 10.000.000 đồng = 5.500.000 đồng, số tiền lãi theo quy định pháp luật: 20% : 365

ngày = 0,05479%/ngày; $0,05479 \times 100.000.000 \text{ đồng} : 100 = 54.790 \text{ đồng/ngày}$. Vậy số tiền thu lợi bất chính là: $5.500.000 \text{ đồng} - 54.790 \text{ đồng} = 5.445.210 \text{ đồng/ngày} \times 05 \text{ ngày} = 27.226.050 \text{ đồng} + 10.000.000 \text{ đồng} = 37.226.050 \text{ đồng}$.

Như vậy tổng số tiền là Nguyễn Xuân L thu lợi bất chính từ hai lần cho vay là: $74.739.000 \text{ đồng} + 37.226.050 \text{ đồng} = 111.965.050 \text{ đồng}$.

Tang vật tạm giữ: 01 bản sao kê tài khoản số 0939039439 tên Đinh Tuấn A tại ngân hàng Quân đội (MB); 06 ảnh chụp màn hình điện thoại được in trên giấy A4 thể hiện nội dung tin nhắn qua zalo giữa Đinh Tuấn A với đối tượng Nguyễn Xuân L; 01 thẻ ATM ngân hàng SHB, tên chủ thẻ NGUYEN THI THOM, số thẻ 9704431178989460; 01 thẻ Visa ngân hàng ACB, số tài khoản 28426157 tên NGUYEN XUAN LAM; 01 điện thoại di động hiệu iphone 13 promax màu xám, số imei: 357884546439213, gắn sim số 0889642222, loại sim điện tử.

Quá trình điều tra Nguyễn Xuân L đã nhận tội.

Đối với Ngô Đình Việt không biết việc L nhờ chuyển tiền là tiền cho Đinh Tuấn A vay nên không xem xét xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 21/CT-VKSOM ngày 07 tháng 01 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn đã truy tố Nguyễn Xuân L về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo L thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Đồng thời, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn trình bày lời luận tội vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Xuân L theo tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Đồng thời, phân tích những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L mức án phạt từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về vật chứng trong vụ án: Trả lại cho Nguyễn Thị Th: 01 thẻ ATM Ngân hàng SHB, tên chủ thẻ NGUYEN THI THOM, số thẻ 9704431178989460.

Trả lại cho Nguyễn Xuân L: 01 thẻ Visa Ngân hàng ACB, số tài khoản 28426157 tên NGUYEN XUAN LAM;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu iphone 13 promax màu xám, số imei: 357884546439213, gắn sim số 0889642222, loại sim điện tử.

Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Nguyễn Xuân L phải nộp 141.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu đồng) số tiền dùng vào việc phạm tội và 1.535.000 đồng (Một triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền lãi suất. Tổng số tiền bị cáo L phải nộp 142.535.000 (Một trăm bốn mươi hai triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng) để tịch thu sung vào quỹ Nhà nước.

Buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Tuấn A phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền đã vay nhưng chưa thanh toán cho bị cáo Nguyễn Xuân L là 59.000.000 đồng (Năm mươi chín triệu đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân L phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Tuấn A là 111.965.000 đồng (Một trăm mười một triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tổ tụng hình sự:* Các quyết định tổ tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tổ tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; quyết định tổ tụng của Viện kiểm sát và hành vi tổ tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] *Về căn cứ buộc tội:* Tại phiên Tòa hôm nay lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Xuân L trong khoảng thời gian vào ngày 14 tháng 10 năm 2023 và ngày 18 tháng 11 năm 2023 đã thực hiện cho ông Đinh Tuấn A người vay tiền với tổng số tiền cho vay là 200.000.000 đồng, mức lãi suất cho vay từ 732%/năm đến 660%/năm – đã vượt quá 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 (20%/năm). Số tiền lãi Nguyễn Xuân L đã thu được là 113.500.000 đồng. Trong đó xác định tiền Nguyễn Xuân L thu lợi bất chính là 111.965.050 đồng.

[3] *Về năng lực chịu trách nhiệm hình sự:* Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính. Các bị cáo nhận thức được việc cho vay tiền với mức lãi suất vượt quá 05 lần trở lên so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Bộ Luật dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Số tiền bị cáo L thu lợi bất chính là 111.965.050 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn truy tố bị cáo với tội danh, điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] *Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

[4.1] *Về tình tiết tăng nặng:* Bị cáo Nguyễn Xuân L phạm tội 2 lần trở lên và tái phạm nguy hiểm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g và h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4.2] *Về tình tiết giảm nhẹ:* Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử có xem xét đến tình tiết này để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Để có tác dụng giáo dục răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội cần có một mức án nghiêm khắc, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có thời gian ăn năn, hối cải về hành vi sai trái của mình, để từ đó biết sửa đổi bản thân, sống đặt mình trong khuôn khổ của pháp luật.

[5] *Về biện pháp tư pháp*: Số tiền bị cáo L cho ông Đinh Tuấn A vay được xác định tiền cá nhân của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần buộc bị cáo Nguyễn Xuân L phải nộp lại số tiền gốc cho vay lãi cao là 141.000.000 đồng và số tiền lãi theo Bộ luật dân sự là 1.535.000 đồng để sung vào quỹ Nhà nước đối với hợp đồng đang thực hiện cần buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền gốc đã vay còn lại nhưng chưa thanh toán cho bị cáo Nguyễn Xuân L cụ thể là ông Đinh Tuấn A phải nộp 59.000.000 đồng.

Đối với số tiền thu lời bất chính từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đinh Tuấn A yêu cầu bị cáo L phải hoàn trả. Bị cáo L xác định bị cáo là người trực tiếp cho vay và nhận lãi suất. Toàn bộ số tiền lãi thu được của vay bị cáo là người sử dụng. Tại phiên tòa, bị cáo L xác định trách nhiệm hoàn trả số tiền thu lợi bất chính từ người vay thuộc về bị cáo. Do đó, cần buộc bị cáo Nguyễn Xuân L phải trả cho ông Đinh Tuấn A số tiền 111.965.000 đồng.

[6] *Về xử lý vật chứng*: Như Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn đề nghị là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm Điều 201 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Xuân L** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng: Điều 268; 269 Bộ luật tố tụng hình sự,

Khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Xuân L** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Trả lại cho Nguyễn Thị Th: 01 thẻ ATM Ngân hàng SHB, tên chủ thẻ NGUYEN THI THOM, số thẻ 9704431178989460.

Trả lại cho Nguyễn Xuân L: 01 thẻ Visa Ngân hàng ACB, số tài khoản 28426157 tên NGUYEN XUAN LAM;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu iphone 13 promax màu xám, số imei: 357884546439213, gắn sim số 0889642222, loại sim điện tử.

Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Nguyễn Xuân L phải nộp 142.535.000 (Một trăm bốn mươi hai triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng) để tịch thu sung vào quỹ Nhà nước.

Buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Tuấn A phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền đã vay nhưng chưa thanh toán cho bị cáo Nguyễn Xuân L là 59.000.000 đồng (Năm mươi chín triệu đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân L phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Tuấn A là 111.965.000 đồng (Một trăm mười một triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Xuân L phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hồ Quốc Trung

Bùi Quang Nghĩa

Phương Văn Chính

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Công an Q. Ô Môn;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phương Văn Chính